Chi tiết mã HS 0206.29.00

Mã HS	0206.29.00
Mô tả hàng hóa	Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, động vật họ trâu bò, cừu, dê, ngựa, la, lừa, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh / - Của động vật họ trâu bò, đông lạnh: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 06:38:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/02062900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	12	12%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K148
Thuế NK ưu đãi (MFN)	8	8%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N148
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q148
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KR)	0% (trừ KR)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	4,4	4,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E143
ATIGA	2022	2022	0	AT!E144
ATIGA	2023	2023	0	AT!F144
ATIGA	2024	2024	0	AT!G144
ATIGA	2025	2025	0	AT!H144
ATIGA	2026	2026	0	AT!I144
ATIGA	2027	2027	0	AT!J144
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E146
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F146
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G146

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H146
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I146
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J146
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E144
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F144
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G144
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H144
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I144
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J144
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F144
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H143
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F146
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G146
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H146
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I146
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J146
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K146
VKFTA	2022	2022	0	VK!E144
VKFTA	2023	2023	0	VK!F144
VKFTA	2024	2024	0	VK!G144
VKFTA	2025	2025	0	VK!H144
VKFTA	2026	2026	0	VK!I144
VKFTA	2027	2027	0	VK!J144
VCFTA	2022	2022	5	VC!D145
VCFTA	2023	2023	4	VC!E145
VCFTA	2024	2024	3	VC!F145

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	3	VC!G145
VCFTA	2026	2026	2	VC!H145
VCFTA	2027	2027	1	VC!I145
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D146
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E146
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F146
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G146
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H146
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I146
AHKFTA	2022	2022	5	AKH!D145
AHKFTA	2023	2023	3	AKH!E145
AHKFTA	2024	2024	3	AKH!F145
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G145
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H145
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I145
EVFTA	2022	2022	5,8	EV-NK!D143
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E143
EVFTA	2024	2024	4,3	EV-NK!F143
EVFTA	2025	2025	3,6	EV-NK!G143
EVFTA	2026	2026	2,9	EV-NK!H143
EVFTA	2027	2027	2,1	EV-NK!I143
UKVFTA	2022	2022	5,8	UKV!D145
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E145
UKVFTA	2024	2024	4,3	UKV!F145
UKVFTA	2025	2025	3,6	UKV!G145
UKVFTA	2026	2026	2,9	UKV!H145

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	2,1	UKV!I145
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	2	CPTPP!D145
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E145
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F145
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G145
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H145
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I145
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J145
RCEP A	2022	2022	7,2	RCEPT-A!D144
RCEP A	2023	2023	6,4	RCEPT-A!E144
RCEP A	2024	2024	5,6	RCEPT-A!F144
RCEP A	2025	2025	4,8	RCEPT-A!G144
RCEP A	2026	2026	4	RCEPT-A!H144
RCEP A	2027	2027	3,2	RCEPT-A!I144
RCEP B	2022	2022	7,2	B!D144
RCEP B	2023	2023	6,4	B!E144
RCEP B	2024	2024	5,6	B!F144
RCEP B	2025	2025	4,8	B!G144
RCEP B	2026	2026	4	B!H144
RCEP B	2027	2027	3,2	B!I144
RCEP C	2022	2022	7,2	C!D144
RCEP C	2023	2023	6,4	C!E144
RCEP C	2024	2024	5,6	C!F144
RCEP C	2025	2025	4,8	C!G144
RCEP C	2026	2026	4	C!H144
RCEP C	2027	2027	3,2	C!I144

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	7,3	D!D144
RCEP D	2023	2023	6,5	D!E144
RCEP D	2024	2024	5,8	D!F144
RCEP D	2025	2025	5,1	D!G144
RCEP D	2026	2026	4,4	D!H144
RCEP D	2027	2027	3,6	D!I144
RCEP E	2022	2022	7,2	E!D144
RCEP E	2023	2023	6,4	E!E144
RCEP E	2024	2024	5,6	E!F144
RCEP E	2025	2025	4,8	E!G144
RCEP E	2026	2026	4	E!H144
RCEP E	2027	2027	3,2	E!I144
RCEP F	2022	2022	7,2	F!D144
RCEP F	2023	2023	6,4	F!E144
RCEP F	2024	2024	5,6	F!F144
RCEP F	2025	2025	4,8	F!G144
RCEP F	2026	2026	4	F!H144
RCEP F	2027	2027	3,2	F!I144
VIFTA	2024	2024	*	VI!F132
VIFTA	2025	2025	*	VI!G132
VIFTA	2026	2026	*	VI!H132
VIFTA	2027	2027	*	VI!I132

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0206.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 8% của mã 0206.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N148), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.